

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/DS-ST

Ngày: 18 - 02 - 2022

V/v: “Tranh chấp về hợp đồng góp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hoài Ân

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Võ Văn Trường

2/ Ông Đặng Thành Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Minh Châu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Phan Phát Tấn - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 201/2021/TLST-DS ngày 08/10/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2021/QĐXXST - DS ngày 22 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/QĐ-DS ngày 25 tháng 01 năm 2022 về việc: “Tranh chấp về hợp đồng góp hui” giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1957 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Phú X, thị trấn Mái D, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Bị đơn: 1. Ông Huỳnh Văn D, sinh năm 1964 (vắng mặt)

2. Bà Trần Thị T, sinh năm 1963 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Phú X, thị trấn Mái D, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Huỳnh Văn V (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Phú X, thị trấn Mái D, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Người làm chứng:

1. Anh Thái Việt H, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Phú X, thị trấn Mái D, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

2. Chị Lê Thị Ngọc G, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Phú L, xã Phú H, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

3. Chị Đinh Kim S, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Phú X, thị trấn Mái D, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

4. Chị Huỳnh Kim B, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Phú X, thị trấn Mái D, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

5. Chị Hồ Thị Bích Tn, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Phú X, thị trấn Mái D, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, đồng thời tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Vào năm 2020, nguyên đơn có cho vợ chồng ông Huỳnh Văn D và bà Trần Thị T tham gia góp hụi do nguyên đơn làm chủ hụi. Ông D, bà T tham gia nhiều chung hụi và đã hốt hết hụi nên phải đóng hụi chết. Số tiền nợ hụi mà ông D, bà T nợ là 200.000.000 đồng theo giấy cam kết nhận nợ ngày 20/4/2021, các bên đã chốt nợ hụi và ông D, bà T thừa nhận nợ số tiền này. Ngoài ra, ông D, bà T còn nợ nguyên đơn 02 chung hụi: Chung thứ nhất mở ngày 20/02/2019 âm lịch, hụi 2.000.000 đồng/tháng, đã hốt và nợ lại 17 lần hụi chết là 34.000.000 đồng. Chung thứ hai mở ngày 06/4/2020, hụi 3.000.000 đồng/tháng, đã hốt và nợ lại 11 lần hụi chết là 33.000.000 đồng. Tổng số tiền bị đơn nợ là 267.000.000 đồng, bị đơn đã trả được 150.000.000 đồng, còn nợ lại 117.000.000 đồng. Tại đơn kiện ngày 08/10/2021 nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 181.000.000 đồng tiền nợ hụi, tuy nhiên ngày 06/12/2021 nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn trả 117.000.000 đồng. Lý do rút một phần yêu cầu khởi kiện bởi vì trong 181.000.000 đồng tiền nợ hụi có 64.000.000 đồng là tiền nợ của Huỳnh Văn V là con trai của ông D, bà T mà trước đó nguyên đơn đã nhập vào để yêu cầu. Nay nguyên đơn rút lại số tiền 64.000.000 đồng, khi nào có tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác. Nay bà H yêu cầu ông D, bà T trả số tiền 117.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, chỉ yêu cầu tính lãi chậm trả ở giai đoạn thi hành án.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã triệu tập bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhiều lần nhưng bị đơn cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã niêm yết theo quy định nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Riêng đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông D, bà T trả cho H 117.000.000 đồng tiền nợ hui. Về án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do, mặc dù Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần. Do đó căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Văn D và bà Trần Thị T trả 117.000.000 đồng tiền nợ hui. Nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về hợp đồng góp hui”.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với ông D, bà T thấy rằng: Theo đơn khởi kiện ngày 08/10/2021 bà H yêu cầu ông D bà T trả số tiền 181.000.000 đồng, sau đó bà H rút lại 64.000.000 đồng. Do số tiền 64.000.000 đồng là tiền anh Huỳnh Văn V là con của ông D, bà T nợ nên bà H không yêu cầu trong vụ án này, chỉ yêu cầu ông D, bà T trả 117.000.000 đồng. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ông D bà T có nợ tiền hui bà H, cụ thể là “Giấy cam kết nhận nợ” ngày 10/4/2021 ông D, bà T thừa nhận nợ số tiền hui là 200.000.000 đồng, do ông D, bà T ký tên vào giấy nợ. Ngoài số tiền này, bà H còn cho rằng ông D, bà T nợ thêm 67.000.000 đồng của hai chung hui ông D, bà T đã hót.

Chung hui thứ nhất mở ngày 20/02/2019 âm lịch, hui 2.000.000 đồng/tháng, ông D bà T đã hót và còn nợ lại 17 lần hui chết với số tiền là 34.000.000 đồng. Những người làm chứng gồm chị Lê Thị Ngọc G, chị Đinh

Kim S, chị Huỳnh Kim B, chị Hồ Thị Bích T đều cho rằng có tham gia cùng chung hui mở ngày 20/02/2019 âm lịch với ông D, bà T và cho rằng ông D, bà T đã hót hui. Đối với chung hui này, theo “Tờ cam kết” ngày 20/02/2020 đã thể hiện ông D, bà T thừa nhận nợ 17 lần hui chết là 34.000.000 đồng, ông D bà T có ký tên vào tờ cam kết nhận nợ, do đó phải trả cho nguyên đơn số tiền này là phù hợp.

Chung hui thứ hai mở ngày 06/4/2020 âm lịch, hui 3.000.000 đồng ông D, bà T đã hót hui và nợ lại 11 lần hui chết là 33.000.000 đồng. Những người làm chứng là anh Thái Việt H, chị Lê Thị Ngọc G, chị Đinh Kim S, chị Huỳnh Kim B, chị Hồ Thị Bích T đều cho rằng có tham gia cùng chung hui với ông D, bà T và cho rằng ông D, bà T đã hót hui, còn số tiền hót được bao nhiêu thì không biết rõ. Số tiền 33.000.000 đồng này ông D, bà T đã thừa nhận trong Biên bản hòa giải ngày 04/6/2021 và Biên bản hòa giải ngày 18/6/2021 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Mái D. Do đó đây cũng là chứng cứ không cần phải chứng minh.

Từ những căn cứ trên cho thấy tổng số nợ ông D, bà T nợ bà H là 267.000.000 đồng. Nguyên đơn cho rằng bị đơn đã trả 150.000.000 đồng. Do đó còn nợ lại 117.000.000 đồng. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền này là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Huỳnh Văn D và bà Trần Thị T phải chịu là 5.850.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 quy định về họ, hui, biểu, phường; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

[2] Buộc ông Huỳnh Văn D và bà Trần Thị T trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 117.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Văn Da và bà Trần Thị T phải chịu là 5.850.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị H được nhận lại 3.675.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010010 ngày 08/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND h. Châu Thành;
- THA h. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Dương Hoài Ân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Võ Văn Trường Đặng Thành Sơn

Dương Hoài Ân

Nơi nhận:

- VKSND h. Châu Thành;
- THA h. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Dương Hoài Ân

Nơi nhận:

- VKSND h. Châu Thành;
- THA h. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lương Phước Đại

Nơi nhận:

- VKSND h. Châu Thành;
- THA h. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lương Phước Đại